

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 135/2020/HS-ST
Ngày: 18/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Lương – Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2020/TLST-HS ngày 22/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HS ngày 03/6/2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P; sinh năm: 1985; tại: Thừa Thiên - Huế; hộ khẩu thường trú: A Quốc lộ B, Khu phố C, phường L, quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (C); và bà: Trương Thị Y; vợ Nguyễn Thị A; có 02 con (năm 1992, 2012); tiền án: không; tiền sự: Ngày 31/12/2018, bị Công an Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép tài sản của người khác” với số tiền 1.500.000 đồng; bị bắt, tạm giam ngày: 01/3/2020. (Có mặt)

- Bị hại: Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1998, địa chỉ: x, đường số y, Khu phố z, phường L, quận T, Thành phố H. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phan Thanh Tr, sinh năm 1987, địa chỉ: (Vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986, địa chỉ: (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Anh Nguyễn Ngọc A thường đến quán bún riêu N tại địa chỉ số: a đường b, Khu phố c, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức do Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị A1 làm chủ để ăn sáng nên anh A và P quen biết nhau. Khoảng 09 giờ ngày 25/11/2019, chị Anh nói P đi mua nguyên liệu về làm trà sữa. Do không có xe nên P hỏi mượn anh A xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX, số máy JF63E2396154, Số khung 632XKZ003232 để đi, anh A đồng ý và giao xe này cho P tại trước phòng trọ của anh A địa chỉ số a, đường số b, Khu phố c, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi mượn được xe, P điều khiển xe trên đi qua khu vực Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức thấy có người (không rõ lai lịch) đang đánh bài cào 3 lá ăn tiền, P dừng xe lại chơi và thua hết tiền P nảy sinh ý định mang xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX của anh A đi cầm cố thế chấp, lấy tiền mua hàng về cho chị Anh và tiêu xài cá nhân. P gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T là bạn của P nhờ kiếm người cầm xe trên với giá 10.000.000 đồng trong khoảng 1 tuần và tự hứa trả lãi 1.000.000 đồng, T hỏi xe này của ai, có giấy tờ xe không thì P nói dối xe này của chị A1 và chị A1 đang giữ giấy tờ xe. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Tuấn báo có bạn của T là Phan Thanh Tr đồng ý nhận cầm xe nên nói P qua đón. P điều khiển xe trên đến cầu ông Dầu thuộc phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức đón anh Tuấn đi đến nhà của anh Tr, tại địa chỉ a đường b, Phường c, quận B, Thành phố H, cầm xe cho anh Tr với giá 10.000.000 đồng nhưng P chỉ nhận được 9.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng là trừ tiền lãi như P đã hứa. Số tiền trên P mua nguyên liệu làm trà sữa cho chị A1 hết 4.200.000 đồng, còn 4.800.000 đồng P tiêu xài cá nhân hết. (BL: 31;69-73;90)

Sau đó, anh A đã nhiều lần gọi điện thoại cho P hỏi và yêu cầu P trả lại xe, lúc thì P nói dối đang đi công việc chưa về kịp, lúc thì P nói dối xe mô tô của anh A đã bị Cảnh sát giao thông huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tạm giữ. Ngày 26/11/2019, anh A tiếp tục yêu cầu P trả xe, biết không thể giấu được nữa nên P thừa nhận đã mang xe đi cầm, hứa sẽ chuộc về cho anh A. Khoảng 18 giờ ngày 28/11/2019, P thú nhận với anh A là không còn khả năng để chuộc lại xe về và đưa số điện thoại của anh Trường cho anh A để anh A tự liên hệ chuộc xe về. Anh A liên hệ với anh Trường hỏi về chiếc xe trên thì anh Tr nói xe đang ở hẻm a, Phường b, quận Bình Thạnh và yêu cầu anh A mang số tiền 10.000.000 đồng đến chuộc xe về nên anh A đến Công an phường Linh Xuân, quận Thủ Đức và Công an Phường b, quận Bình Thạnh trình báo. Công an Phường b, quận Bình Thạnh đã tạm giữ xe trên và bàn giao cho Công an quận Thủ Đức xử lý theo thẩm quyền. Sau khi gây án P bỏ đi khỏi địa phương đến ngày 11/01/2020 mới đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức trình diện. (BL: 33,34;38-39;80-83)

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức và trước Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. (BL-52-63,104)

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX, số máy JF63E2396154, số khung 632XKZ003232 do anh Nguyễn Tuấn A mua và đứng tên chủ sở hữu. Tháng 01/2019, anh Tuấn A đã bán lại cho anh Nguyễn Ngọc A. Ngày 07/02/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thủ Đức đã trả lại xe trên cho anh A là chủ sở hữu. (BL: 36,41;47,48;86-88)

Tại bản Kết luận định giá số 2244/HĐĐTSTTTTHS ngày 16/12/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự quận Thủ Đức kết luận: 01 xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX, số máy JF63E2396154, số khung 632XKZ003232 có giá trị tại thời điểm định giá là 35.000.000 đồng. (BL: 23)

Phản dân sự: Anh Nguyễn Ngọc A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì (BL: 36; 80)

Anh Phan Thanh Tr đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng do vợ chồng P trả và không có yêu cầu gì. (BL: 90;92)

Đối với Nguyễn Văn T đã có hành vi giới thiệu để Phan Thanh Tr có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX từ bị cáo Nguyễn Văn P nhưng không biết tài sản trên do Nguyễn Văn P phạm tội mà có, khi biết sự việc đã giao nộp xe mô tô nói trên cho cơ quan chức năng để giải quyết theo quy định, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi này của Tr và T. (BL: 48,50-51;89-93)

Đối với việc bị cáo P khai đánh bạc trái phép tại khu vực chợ đầu mối nông sản thực phẩm Thủ Đức, nhưng ngoài lời khai của bị cáo thì không có nguồn chứng cứ khác, không xác định được người đánh bạc với P và tổng số tiền sử dụng đánh bạc nên không có cơ sở xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P về tội Đánh bạc.

Tại phiên tòa, bị cáo khai Nguyễn Văn P nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

[2] Bản Cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 19/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức truy tố Nguyễn Văn P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, cùng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả để xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, phản dân sự đã giải quyết xong.

Bị cáo Nguyễn Văn P không tranh luận, bào chữa. Bị cáo Nguyễn Văn P nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P phù hợp với lời khai của bị hại, bản trình báo nguồn tin vụ việc về an ninh trật tự, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, vật chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, có căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi sau khi nhận được tài sản của bị hại giao, đã nảy sinh ý định và thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Tài sản chiếm đoạt của bị hại anh Nguyễn Ngọc A là 01 xe mô tô biển số 72G1-XXX.XX, số máy JF63E2396154, số khung 632XKZ003232 có giá trị 35.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định, trừng trị tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội thể hiện bị cáo rất liều lĩnh và xem thường pháp luật. Về nhân thân, bị cáo P đã có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, đã ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Bị hại anh Nguyễn Ngọc A đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận; anh Phan Thanh Tr đã nhận lại số tiền 10.000.000 đồng do vợ bị cáo P trả, không có yêu cầu gì khác, phần dân sự đã giải quyết xong.

[4] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015,

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn P 01 (Một) năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2020.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Nguyễn Văn P chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời gian kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKSND, CA, Chi cục THA Q.TĐ;
- PC27;
- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn